

Số 3233/QĐ-BNN-QLCL

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh nội dung và dự toán kinh phí các nhiệm vụ thuộc Dự án đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm năm 2010, Chương trình Mục tiêu quốc gia vệ sinh an toàn thực phẩm giai đoạn 2006-2010 giao cho Cục Chăn nuôi

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 sửa đổi Điều 3 Nghị định 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 149/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia vệ sinh an toàn thực phẩm giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 3595/QĐ-BNN-QLCL ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt Dự án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm, Chương trình mục tiêu quốc gia VSATTP giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Quyết định số 3735/QĐ-BNN-QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt nội dung và kinh phí Dự án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm năm 2010, Chương trình mục tiêu quốc gia VSATTP giai đoạn 2006-2010;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung các nhiệm vụ thuộc Dự án đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản

thực phẩm năm 2010, Chương trình mục tiêu quốc gia vệ sinh an toàn thực phẩm giai đoạn 2006 – 2010 giao cho Cục Chăn nuôi đã được phê duyệt tại Quyết định số 1634/QĐ-BNN-QLCL ngày 17/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).

Điều 2. Điều chỉnh dự toán kinh phí thuộc Dự án đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm năm 2010, Chương trình mục tiêu quốc gia vệ sinh an toàn thực phẩm giai đoạn 2006 – 2010 giao cho Cục Chăn nuôi đã được phê duyệt tại Quyết định số 1118/QĐ-BNN-TC ngày 15/7/2010 về việc phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2010.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo).

Điều 3. Quyết định này thay thế các Quyết định số 1634/QĐ-BNN-QLCL ngày 17/6/2010 và số 1118/QĐ-BNN-TC ngày 15/7/2010.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Cục trưởng các Cục: Chăn nuôi, Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, QLCL.



Lương Lê Phương



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Quyết định **BNN-QLCL** ngày **01/12/2010** của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT)

TT	Nhiệm vụ	Thực hiện	Sản phẩm dự kiến
1	Xây dựng hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật	1. Thu thập và phân cứu tài liệu có liên quan đến quản lý thức ăn chăn nuôi 2. Tổ chức đi khảo sát 3. Xây dựng dự thảo văn bản: - Thông tư hướng dẫn Nghị định Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi 4. Tổ chức các hội thảo	- Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện triển khai các văn bản quản lý nhà nước về thức ăn chăn nuôi. - Xây dựng, trình ban hành: Thông tư hướng dẫn Nghị định Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi
2	Tập huấn phổ biến kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm, chăn nuôi an toàn, áp dụng VietGAHP trong chăn nuôi	- Tổ chức 04 lớp tập huấn về ATVSTP và áp dụng VietGAHP trong chăn nuôi; nghiệp vụ kiểm tra giám sát ATVSTP trong chăn nuôi (dự kiến 50 người/lớp; 01 lớp tại miền Nam; 01 lớp tại miền Trung; 02 lớp tại miền Bắc): 1. Phổ biến kiến thức, văn bản quy định về VSATTP (thực trạng tình hình VSATTP hiện nay và các văn bản của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ về VSATTP) 2. Phổ biến nghiệp vụ giám sát ATVSTP trong chăn nuôi 3. Phổ biến nội dung và quy trình quản lý, áp dụng VietGAHP trong các cơ sở chăn nuôi lợn, gia cầm, bò sữa và ong 4. Phổ biến Quy chế chứng nhận cơ sở thực hiện quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) cho bò sữa, gia cầm, lợn, ong.	Bộ tài liệu tập huấn về VSATTP; Danh sách các học viên, giảng viên; Báo cáo kết quả lớp tập huấn
3	Thanh tra chuyên ngành trong lĩnh	- Kiểm tra hiện trạng công tác quản lý chất lượng giống và thức ăn chăn nuôi; các VBQPPL có liên	Báo cáo đánh giá kết thúc mỗi đợt thanh tra, kiểm tra; Kiến nghị, đề xuất hướng giải quyết và các biện pháp

(Handwritten signature)

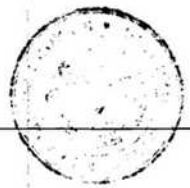
	<p>vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi</p>	<p>quan. - Kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL về giống, thức ăn chăn nuôi. - Kiểm tra việc thực hiện công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa; thực hiện quy chế ghi nhãn hàng hóa thức ăn chăn nuôi tại một số cơ sở sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi. - Lấy mẫu thức ăn chăn nuôi tại một số nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi để phân tích.</p>	<p>xử lý các vấn đề này sinh liên quan đến đảm bảo chất lượng con giống, thức ăn chăn nuôi.</p>
<p>4</p>	<p>Kiểm tra, giám sát chất lượng thức ăn chăn nuôi</p>	<p>1. Tập huấn nghiệp vụ kiểm tra giám sát chất lượng và ATVSTP thức ăn chăn nuôi cho các cấp quản lý và các phòng phân tích (2 lớp phía Bắc và phía Nam; 75 học viên/lớp). 2. Tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng và an toàn vệ sinh thức ăn chăn nuôi trong sản xuất: Kiểm tra công tác quản lý thức ăn chăn nuôi tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kiểm tra điều kiện sản xuất và lấy mẫu phân tích nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi.</p>	<p>Báo cáo đánh giá thực trạng công tác quản lý, giám sát chất lượng và ATVSTP thức ăn chăn nuôi của các cấp quản lý, đánh giá thực trạng về chất lượng, ATVSTP của nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi, kiến nghị các biện pháp xử lý và giải pháp nhằm tăng cường quản lý giám sát chất lượng và ATVSTP nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi.</p>
<p>5</p>	<p>Hỗ trợ xây dựng mô hình chăn nuôi theo quy trình VietGAHP</p>	<p>1. Khảo sát thực tế tại các địa phương, thống nhất lựa chọn trang trại, cơ sở chăn nuôi cần hỗ trợ xây dựng mô hình. 2. Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, các chủ trang trại và người chăn nuôi về tổ chức chăn nuôi an toàn sinh học, đảm bảo VSATTP, bảo vệ môi trường chăn nuôi nhằm phát triển bền vững 3. Giám sát việc thực hiện mô hình tại các cơ sở</p>	<p>Xây dựng được 03 mô hình chăn nuôi lợn, 03 mô hình chăn nuôi gà, 02 mô hình chăn nuôi bò sữa tại Hải Phòng, Nam Định, Ninh Bình, Nghệ An theo quy trình VietGAHP (Báo cáo kết quả thực hiện, tài liệu tập huấn, hồ sơ thực hiện mô hình)</p>

Handwritten signature

	chăn nuôi được lựa chọn 4. Tổng hợp báo cáo kết quả xây dựng mô hình, lựa chọn mô hình tiêu biểu để nhân rộng trong sản xuất.	
6	 Kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong các cơ sở chăn nuôi <ol style="list-style-type: none"> Kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh chăn nuôi thú y ở các cơ sở chăn nuôi Xác định mức độ ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong các cơ sở chăn nuôi: <ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra mức độ ô nhiễm nguồn nước chăn nuôi: <i>Coliforms</i>, <i>E.Coli</i>, <i>Salmonella</i>, <i>As</i>, <i>Pb</i> Kiểm tra mức độ ô nhiễm nguồn nước thải chăn nuôi lợn: <i>COD</i>, <i>BOD</i>, <i>BOD5</i>, <i>E.Coli</i>, <i>Salmonella</i> Kiểm tra độ đục nước thải: <i>Coliforms</i>, <i>Salmonella</i> và vi khuẩn hiếu khí Kiểm tra mức độ ô nhiễm không khí chuồng nuôi: nhiệt độ, độ ẩm, H_2S, NH_3, tổng vi khuẩn hiếu khí Kiểm tra tồn dư hóa chất: <i>Clenbuterol</i>, <i>Salbutamol</i>, <i>Ractopamine</i> trong thức ăn chăn nuôi và trong chất thải trực tiếp của vật nuôi (nước tiểu đối với lợn/ phân đối với gia cầm) 	<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo tổng hợp chung, phân tích số liệu, kết quả giám sát, đề xuất biện pháp để giảm thiểu ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong các cơ sở chăn nuôi. Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong 4 trang trại, 4 hộ chăn nuôi lợn và 4 trang trại, 4 hộ chăn nuôi gia cầm tại huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong 3 trang trại, 3 hộ chăn nuôi lợn và 3 trang trại, 3 hộ chăn nuôi gia cầm tại huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong 6 hộ chăn nuôi lợn và 6 hộ chăn nuôi gia cầm tại huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong 6 cơ sở chăn nuôi lợn và 6 cơ sở chăn nuôi gia cầm tại huyện Nam Đàn tỉnh Nghệ An Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong 6 cơ sở chăn nuôi gia cầm tại huyện Tiên Lãng thành phố Hải Phòng Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong 6 cơ sở chăn nuôi lợn tại huyện Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học



			<p>và tồn dư hóa chất trong 12 cơ sở chăn nuôi lợn và 2 cơ sở chăn nuôi gia cầm tại tỉnh Quảng Nam</p>
7	<p>Kiểm tra, giám sát chất lượng thức ăn chăn nuôi (Nhiệm vụ đã thực hiện năm 2009)</p>	<p>1. Kiểm tra, đánh giá năng lực quản lý, giám sát chất lượng VSAT thức ăn chăn nuôi của 16 địa phương (Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Hà Nam, Ninh Bình, Lào Cai, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu, Long An, Bến Tre, Vĩnh Long, Tây Ninh, Khánh Hòa) và 35 doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi. 2. Lấy mẫu, phân tích một số chỉ tiêu đánh giá chất lượng thức ăn chăn nuôi.</p>	<p>- Kết quả phân tích mẫu; - Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra đánh giá thực trạng quản lý, giám sát và chất lượng thức ăn chăn nuôi; đề xuất kiến nghị.</p>
8	<p>Kiểm tra giám sát ô nhiễm sinh học và hóa chất trong cơ sở chăn nuôi gia cầm và lợn tại các tỉnh phía Nam bao gồm: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tiền Giang và Cần Thơ. (Nhiệm vụ đã thực hiện năm 2009)</p>	<p>1. Kiểm tra đánh giá điều kiện vệ sinh thú y chung của các cơ sở chăn nuôi gia cầm và chăn nuôi lợn tại TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tiền Giang và Cần Thơ; 2. Lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất của các cơ sở chăn nuôi (nguồn nước chăn nuôi, không khí chuồng nuôi, thức ăn chăn nuôi, nước thải chăn nuôi...);</p>	<p>- Tổng hợp phiếu đánh giá; - Kết quả phân tích mẫu; - Báo cáo chuyên đề (mỗi tỉnh 2 báo cáo); - Báo cáo tổng hợp đánh giá hiện trạng môi trường và sinh ảnh hưởng đến môi trường và an toàn thực phẩm.</p>



Handwritten signature or initials.

(kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-BNN-QLCL ngày 01 tháng 12 năm 2010)



PHỤ LỤC 2

QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ VIỆC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (60 TRIỆU ĐỒNG)

PHẦN I:

Tổng cộng các nội dung chi phí + 5 + 6 đề nghị được phê duyệt là: 2.219,6 triệu đồng

Nội dung 1: Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (60 triệu đồng)

SỐ TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
I	KHẢO SÁT THỰC TẾ				
1.1	Khảo sát thực tế tại miền Bắc				
	Thuê xe	km	700	7.000	4.900.000
	Công tác phí (3 người x 7 ngày)	ngày	21	70.000	1.470.000
	Lưu trú (3 người x 6 ngày)	ngày	18	120.000	2.160.000
1.2	Khảo sát thực tế tại miền Trung				
	Thuê xe	km	1.500	7.000	10.500.000
	Công tác phí (2 người x 7 ngày)	ngày	14	70.000	980.000
	Lưu trú (2 người x 6 ngày)	ngày	12	120.000	1.440.000
1.3	Khảo sát thực tế tại miền Nam				
	Vé máy bay	vé	2	4.100.000	8.200.000
	Thuê xe	km	700	7.000	4.900.000
	Công tác phí (3 người x 7 ngày)	ngày	21	70.000	1.470.000
	Lưu trú (3 người x 6 ngày)	ngày	18	120.000	2.160.000
II	XÂY DỰNG VĂN BẢN				
	Xây dựng Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định về quản lý thức ăn chăn nuôi	Thông tư			
2.1	Xây dựng dự thảo		1	2.000.000	2.000.000
2.2	Lấy ý kiến chuyên gia về dự thảo		6	200.000	1.200.000
2.3	Họp thông qua dự thảo các dự thảo	lần	2		
	Chủ trì hội nghị	người	2	150.000	300.000
	Khách mời (20 người/ lần họp)	người	40	70.000	2.800.000
	Nước uống	người	50	7.000	350.000
III	HỌP NGHIỆM THU				
3.1	Nghiệm thu đề cương				
	Chủ tịch Hội đồng	người	1	300.000	300.000
	Ủy viên Hội đồng	người	8	200.000	1.600.000
	Thư ký hành chính	người	1	150.000	150.000
	Khách mời	người	5	70.000	350.000
	Nước uống	người	16	7.000	112.000
3.2	Hội thảo đánh giá kết quả nhiệm vụ	lần	1		
	Chủ trì hội nghị	người	1	200.000	200.000
	Thư ký hội nghị	người	1	100.000	100.000
	Khách mời (20 người/ lần họp)	người	20	70.000	1.400.000
	Nước uống	người	30	7.000	210.000
	Thuê hội trường	ngày	1	3.500.000	3.500.000
3.3	Họp nghiệm thu nhiệm vụ				
	Chủ tịch Hội đồng	người	1	300.000	300.000
	Ủy viên Hội đồng	người	8	200.000	1.600.000

Handwritten signature

Handwritten signature

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Thư ký hành chính	người	1	150.000	150.000
	Khách mời	người	5	70.000	350.000
	Nước uống	người	16	7.000	112.000
IV	CHI KHÁC				
4.1	Dịch tài liệu liên quan				3.000.000
4.2	In ấn, văn phòng phẩm phục vụ công tác soạn thảo và hội nghị				1.736.000
	TỔNG CỘNG				60.000.000

Nội dung 2: Tập huấn, hội thảo phổ biến kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm, chăn nuôi an toàn, áp dụng VietGAHP trong chăn nuôi (200 triệu đồng)

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
A	Tập huấn về ATVSTP, áp dụng VietGAHP, nghiệp vụ giám sát ATVSTP trong chăn nuôi (ở các tỉnh miền Bắc)		2	31.440.000	62.880.000
	Tổng cộng 01 lớp				31.440.000
1	Thuê Hội trường	Ngày	3	2.500.000	7.500.000
2	Thuê thiết bị phục vụ tập huấn (máy chiếu Projector...)	Ngày	3	500.000	1.500.000
3	Trang trí hội trường, khẩu hiệu	Lớp	1	500.000	500.000
4	Chi bồi dưỡng chuyên gia giảng dạy và hướng dẫn (3 người)	Người	3	500.000	1.500.000
5	Nước uống phục vụ Hội nghị (50 người x 3 ngày)	Người	150	7.000	1.050.000
6	Văn phòng phẩm	Người	50	20.000	1.000.000
7	Hỗ trợ tiền ăn cho những người không hưởng lương từ NSNN (25 người x 3 ngày)	Người	75	70.000	5.250.000
8	Hỗ trợ tiền ngủ cho những người không hưởng lương từ NSNN (25 người x 2 đêm)	Người	50	120.000	6.000.000
9	Thuê xe đưa đón giảng viên và học viên (hoặc tiền xăng xe, phí cầu đường)	km	500	7.000	3.500.000
10	Tiền ngủ của giảng viên và CB Ban tổ chức (4 người x 4 đêm)	Đêm	16	140.000	2.240.000
11	Công tác phí, lưu trú (4 người x 5 ngày)	Ngày	20	70.000	1.400.000
B	Tập huấn về ATVSTP, áp dụng VietGAHP, nghiệp vụ giám sát ATVSTP trong chăn nuôi (ở các tỉnh miền Trung)				48.440.000
1	Thuê Hội trường	Ngày	3	3.500.000	10.500.000
2	Thuê thiết bị phục vụ tập huấn (máy chiếu Projector...)	Ngày	3	500.000	1.500.000

Handwritten signature

Handwritten signature

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
3	Trang trí hội trường, khẩu hiệu	Lớp	1	500.000	500.000
4	Chi bồi dưỡng chuyên gia giảng dạy và hướng dẫn (3 người)	Người	3	500.000	1.500.000
5	Nước uống phục vụ Hội nghị (50 người x 3 ngày)	Người	150	7.000	1.050.000
6	Văn phòng phẩm	Người	50	20.000	1.000.000
7	Hỗ trợ tiền ăn cho những người không hưởng lương từ NSNN (25 người x 3 ngày)	Người	75	70.000	5.250.000
8	Hỗ trợ tiền ngủ cho những người không hưởng lương từ NSNN (25 người x 2 đêm)	Người	50	120.000	6.000.000
9	Thuê xe đi công tác (hoặc xăng xe, phí cầu đường)	km	2500	7.000	17.500.000
10	Tiền ngủ của giảng viên và CB Ban tổ chức (4 người x 4 đêm)	Đêm	16	140.000	2.240.000
11	Công tác phí, lưu trú (4 người x 5 ngày)	Ngày	20	70.000	1.400.000
C	Tập huấn về ATVSTP, áp dụng VietGAHP, nghiệp vụ giám sát ATVSTP trong chăn nuôi (ở các tỉnh miền Nam)				54.600.000
1	Vé máy bay khứ hồi HN-TPHCM cho giảng viên và ban tổ chức	Vé	4	4.100.000	16.400.000
2	Tiền ngủ của giảng viên và ban tổ chức (4 người x 4 đêm)	Đêm	16	150.000	2.400.000
3	Công tác phí (4 người x 5 ngày)	Ngày	20	70.000	1.400.000
4	Thuê xe đưa đón giảng viên, BTC và học viên	km	800	7.000	5.600.000
5	Tiền xe đi sân bay (2 lượt đi + về)	lượt	4	300.000	1.200.000
6	Thuê Hội trường	Ngày	3	3.500.000	10.500.000
7	Thuê thiết bị phục vụ tập huấn (máy chiếu Projector...)	Ngày	3	600.000	1.800.000
8	Trang trí hội trường, khẩu hiệu	Lớp	1	500.000	500.000
9	Chi bồi dưỡng chuyên gia giảng dạy và hướng dẫn (3 người/ 3 ngày)	Ngày	3	500.000	1.500.000
10	Nước uống phục vụ Hội nghị (50 người x 3 ngày)	Người	150	7.000	1.050.000
11	Hỗ trợ tiền ăn cho những người không hưởng lương từ NSNN (25 người x 3 ngày)	Người	75	70.000	5.250.000
12	Hỗ trợ tiền ngủ cho những người không hưởng lương từ NSNN (25 người x 2 đêm)	Người	50	120.000	6.000.000
13	Văn phòng phẩm	Người	50	20.000	1.000.000
D	In ấn tài liệu tập huấn				25.400.000
1	Biên soạn tài liệu tập huấn	trang	80	50.000	4.000.000
2	Biên tập tài liệu tập huấn	trang	80	30.000	2.400.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
3	Tài liệu phổ biến ATVSTP trong chăn nuôi và áp dụng VIETGAHP trong chăn nuôi dành cho cán bộ QLNN	bản	200	50.000	10.000.000
4	Tài liệu phổ biến ATVSTP trong chăn nuôi và áp dụng VIETGAHP trong chăn nuôi dành cho người chăn nuôi	bản	200	45.000	9.000.000
E	Chi khác				8.680.000
1	Hội đồng thẩm định đề cương				2.000.000
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	300.000	300.000
	Ủy viên hội đồng	Người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	Người	1	150.000	150.000
	Đại biểu	Người	5	70.000	350.000
2	Hội đồng nghiệm thu				2.000.000
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	300.000	300.000
	Ủy viên hội đồng	Người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	Người	1	150.000	150.000
	Đại biểu	Người	5	70.000	350.000
3	Chi phí quản lý chung (văn phòng phẩm, tài liệu liên quan, vật tư và chi khác)				4.680.000
	Tổng cộng				200.000.000

Nội dung 3: Thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi (100 triệu đồng)

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Xây dựng đề cương	ĐC	1	700.000	700.000
2	Họp thông qua đề cương				2.134.000
	Chủ tịch Hội đồng		1	300.000	300.000
	Ủy viên Hội đồng		8	200.000	1.600.000
	Thư ký Hội đồng		1	150.000	150.000
	Nước uống		12	7.000	84.000
3	Họp nghiệm thu kết quả				2.505.000
	Chủ tịch Hội đồng		1	300.000	300.000
	Ủy viên Hội đồng		8	200.000	1.600.000
	Thư ký Hội đồng		1	150.000	150.000
	Khách mời		5	70.000	350.000
	Nước uống		15	7.000	105.000
4	Chi phí đi thanh tra				67.800.000
4.1	Thanh tra tại khu vực miền Bắc				7.360.000
	Thuế xe	km	730	7.000	5.110.000
	Lưu trú (5 người/2đêm)	đêm	10	120.000	1.200.000
	Công tác phí (5 người x 3 ngày)	ngày	15	70.000	1.050.000
4.2	Thanh tra tại khu vực miền Trung				27.100.000
	Thuế xe	km	2.600	7.000	18.200.000
	Lưu trú (5 người x 9 đêm)	đêm	45	120.000	5.400.000
	Công tác phí (5 người x 10 ngày)	ngày	50	70.000	3.500.000
4.3	Thanh tra tại khu vực miền Nam (4 người)				33.340.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Vé máy bay (HN-TP.HCM-HN)	lượt	4	4.100.000	16.400.000
	Thuê xe	ngày	1.500	7.000	10.500.000
	Lưu trú (4 người x 7 đêm)	đêm	28	150.000	4.200.000
	Công tác phí	ngày	32	70.000	2.240.000
5	Chi phí lấy mẫu				2.050.000
5.1	Thuê người lấy mẫu				
	- Tiền thuê công lấy mẫu 2 người x 3 ngày x 100.000 đ/công		6	100.000	600.000
	- Tiền ngủ cho cán bộ lấy mẫu 2 người x 3 đêm x 150.000đ/đêm		6	150.000	900.000
5.2	Túi đựng mẫu và chi phí chuyển mẫu TACN				
	- Túi ni lon đựng mẫu : 20kg x 50.000đ/kg		5	50.000	250.000
	- Cước phí vận chuyển mẫu TACN : 30kg x 10.000đ/kg		30	10.000	300.000
6	Chi phí phân tích mẫu (theo thực tế và theo Quyết định 08/2005/QĐ-BTC của Bộ Tài chính)	Nhà máy sx TACN	6		22.200.000
	- Protein thô	mẫu	18	100.000	1.800.000
	- Aflatoxin	mẫu	12	300.000	3.600.000
	- Kim loại nặng				
	+ Chì	mẫu	6	100.000	600.000
	+ Thủy Ngân	mẫu	6	300.000	1.800.000
	+ Arsen	mẫu	6	400.000	2.400.000
	- Một số kháng sinh theo Quy chuẩn TACN tại Thông tư 81/2009/TT-BNNPTNT	mẫu	18	300.000	5.400.000
	- Chất cấm trong TACN				
	+ Ractopamine	mẫu	6	300.000	1.800.000
	+ Clenbuterol	mẫu	6	300.000	1.800.000
	+ Salbutamol	mẫu	6	300.000	1.800.000
	- Khoáng đa lượng (Ca, P)	mẫu	12	100.000	1.200.000
7	Viết báo cáo tổng hợp	Báo cáo	1	600.000	600.000
8	Chi khác (VPP, dự phòng)				2.011.000
	Tổng cộng:				100.000.000

Nội dung 4: Kiểm tra, giám sát chất lượng thức ăn chăn nuôi (500 triệu đồng)

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Xây dựng đề cương:		1	2.000.000	2.000.000
2	Tập huấn nghiệp vụ kiểm tra giám sát chất lượng và ATVSTP thức ăn chăn nuôi cho các cấp quản lý và các phòng tích				68.800.000
	- Thuê phòng tập huấn: 3 ngày x 2 lớp x 2,5 triệu đồng/lớp/ngày	ngày	6	2.500.000	15.000.000
	- Khách tiết: 2 lớp x 500.000đ/lớp	lớp	2	500.000	1.000.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	- Tiền thuê phương tiện đi lại đưa đón giảng viên và phục vụ lớp tập huấn: 3 ngày x 1200000đ/ngày x 2 lớp	ngày	6	1.200.000	7.200.000
	- Tiền thuê xe ô tô đưa đón giảng viên từ Sân bay về KS và ngược lại:	lượt	8	150.000	1.200.000
	- Vé máy bay khứ hồi HN - TP. HCM: 3 vé x 4.100.000đ/vé	vé	3	4.100.000	12.300.000
	- Thù lao giảng viên: 3 ngày/lớp x 2 lớp x 400.000đ/buổi x 2 buổi/ngày	buổi	12	400.000	4.800.000
	- Tiền ngủ cho giảng viên: 3 đêm/lớp x 2 lớp x 3 người x 300.000đ/đêm	đêm	18	300.000	5.400.000
	- Photocopy tài liệu: 2 lớp x 75 quyển x 30000đ/quyển (65 trang/quyển)	quyển	150	30.000	4.500.000
	- Nước uống giữa giờ: 2 lớp x 75 người x 7000đ/người/ngày x 3 ngày	người	450	7.000	3.150.000
	- Văn phòng phẩm (vở, bút, túi): 2 lớp x 75 người x 20000đ/người	bộ	150	20.000	3.000.000
	- Hỗ trợ tiền ăn cho những người hưởng lương từ nguồn ngân sách: 2lớp x 75người/lớp x 25.000đ/người/ngày x 3ngày	người	450	25.000	11.250.000
3	Kiểm tra tình hình quản lý chất lượng VSAT thức ăn chăn nuôi của các doanh nghiệp				116.220.000
	3.1. Kiểm tra tại các tỉnh phía Bắc: 8 tỉnh				45.380.000
	- Thuê phương tiện đi lại: 4700km x 7.500đ/km	km	4700	7.000	32.900.000
	- Tiền phòng ngủ: 4 người x 150.000đ/người x 1đêm/tỉnh x 8 tỉnh	đêm	32	150.000	4.800.000
	- Công tác phí: 4 người x 2ngày/tỉnh x 70.000đ/ngày x 8 tỉnh	ngày	64	70.000	4.480.000
	- Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đi kiểm tra	ngày	64	50.000	3.200.000
	3.2. Kiểm tra tại các tỉnh phía Nam: 7 tỉnh				70.840.000
	- Vé máy bay khứ hồi HN - TP. HCM: 2lần x 3 vé x 4.100.000đ/vé	vé	6	4.100.000	24.600.000
	- Vé máy bay khứ hồi HN - Miền Trung: 1lần x 3 vé x 3.600.000đ/vé	vé	3	3.600.000	10.800.000
	- Thuê phương tiện đi lại: 2800km x 7.000đ/km	km	2800	7.000	19.600.000
	- Tiền phòng ngủ: 4 người x 150.000đ/người x 4đêm x 3 đợt	đêm	48	150.000	7.200.000
	- Công tác phí: 4 người x 6 ngày x 70.000đ/ngày x 3 đợt	ngày	72	70.000	5.040.000
	- Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đi kiểm tra	ngày	72	50.000	3.600.000
4	Kiểm tra đánh giá thực trạng chất lượng VSAT thức ăn chăn nuôi tại các địa phương				297.180.000

HMS

VS

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	4.1- Chi phí lấy mẫu				33.180.000
	- Túi ni lon đựng mẫu : 10 túi x 50.000đ/kg	kg	10	50.000	500.000
	- Cước phí vận chuyển mẫu 10kg/tính x 10.000đ/kg	kg	100	10.000	1.000.000
	- Tiền mua mẫu TAC 8.000đ/kg	kg	210	8.000	1.680.000
	- Tiền mua dụng cụ lấy mẫu 500.000đ/tính	bộ	10	500.000	5.000.000
	- Tiền thuê khoán lấy mẫu: 10 tính x 4 buổi/tính/người x 50.000đ/buổi/người x 2 người	buổi	80	50.000	4.000.000
	- Thuê phương tiện đi lại: 10 tính x 2 ngày x 150km/ngày x 7.000đ/km	km	3000	7.000	21.000.000
	4.2. Tiền phân tích mẫu				264.000.000
	- Kim loại nặng: 180 mẫu x 1 chỉ tiêu/mẫu x 250.000đ/chỉ tiêu	chỉ tiêu	180	250.000	45.000.000
	- Aflatoxin tổng số: 120 mẫu x 500000đ/mẫu	mẫu	120	500.000	60.000.000
	- Định tính nhóm β -Agonist (Clenbuterol và Salbutamol) bằng Elisa: 152 mẫu x 500.000đ/mẫu	mẫu	152	500.000	76.000.000
	- Định lượng Clenbuterol bằng LC/MS, GC/MS: 5 mẫu x 700.000đ/mẫu	mẫu	5	700.000	3.500.000
	- Định lượng Salbutamol bằng LC/MS, GC/MS: 5 mẫu x 700.000đ/mẫu	mẫu	5	700.000	3.500.000
	- Định lượng Ractopamine bằng HPLC: 20 mẫu x 700.000đ/mẫu	mẫu	20	700.000	14.000.000
	- Định lượng Melamine (10 tính x 2 mẫu/tính)	mẫu	20	800.000	16.000.000
	- Kháng sinh (chlotetracycline, Bacitracin Zinc, Tylosin, ...): 40 mẫu x 400000đ/chỉ tiêu	mẫu	40	400.000	16.000.000
	- E.Coli: 120 mẫu x 100000đ/mẫu	mẫu	120	100.000	12.000.000
	- Salmonella: 120 mẫu x 150000đ/mẫu	mẫu	120	150.000	18.000.000
5	Chi phí làm ngoài giờ cho các thành viên tập hợp và xử lý số liệu:				3.750.000
	Mức trung bình: 125000 đ/ngày x 3 người x 10 ngày	ngày	30	125.000	3.750.000
6	Viết báo cáo tổng hợp:	bcáo	1	3.000.000	3.000.000
7	Phổ tồ, văn phòng phẩm và chi khác:			7.193.000	7.193.000
8	Hội đồng đánh giá nghiệm thu				1.857.000
	- Chủ tịch:	người	1	300.000	300.000
	- Thành viên	người	6	200.000	1.200.000
	- Khách mời:	người	4	70.000	280.000
	- Nước uống:	người	11	7.000	77.000
	Tổng tiền:				500.000.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
-------	----------	--------	----------	---------	----------------

**Nội dung 5: Hỗ trợ xây dựng mô hình chăn nuôi theo quy trình VietGAHP
(359.600.000 đồng)**

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	A. Hỗ trợ xây dựng 01 mô hình chăn nuôi lợn và 01 mô hình gia cầm theo quy trình VIETGAHP tại Hải Phòng, Nam Định, Ninh Bình	tỉnh	3	70.000.000	210.000.000
I	Khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở chăn nuôi				18.496.500
1	Công lập phiếu điều tra	công	1	70.000	70.000
2	Công khảo sát điều tra (4 người x 3 công)	công	12	70.000	840.000
	Lưu trú cho cán bộ đi điều tra (4 người)	đêm	8	140.000	1.120.000
3	Cung cấp thông tin	phiếu	4	60.000	240.000
4	In ấn phiếu điều tra	trang	1	500,00	500
5	Phô tô phiếu điều tra (4 bộ x 5 trang x 300 đ/trang)	trang	20	300,00	6.000
6	Thuê xe đi khảo sát	km	1000	7.000	7.000.000
7	Phân tích mẫu				5.020.000
7.1	Phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn nước chăn nuôi				1.020.000
	pH trong nước	mẫu	2	80.000	160.000
	Asen (As)	mẫu	2	120.000	240.000
	Chì (Pb)	mẫu	2	120.000	240.000
	E.Coli	mẫu	2	70.000	140.000
	Salmonella	mẫu	2	60.000	120.000
	Công lấy mẫu	công	1	120.000	120.000
7.2	Phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn nước thải chăn nuôi				580.000
	COD	mẫu	2	50.000	100.000
	BOD	mẫu	2	50.000	100.000
	E.Coli	mẫu	2	70.000	140.000
	Salmonella	mẫu	2	60.000	120.000
	Công lấy mẫu	công	1	120.000	120.000
7.3	Phân tích thức ăn				3.420.000
	Protein	mẫu	6	50.000	300.000
	Khoáng tổng số	mẫu	6	50.000	300.000
	Ăm tổng số	mẫu	6	50.000	300.000
	Phân tích định tính Clenbuterol	mẫu	2	400.000	800.000
	Phân tích định tính Salbutamol	mẫu	2	400.000	800.000
	Phân tích định tính Ractopamin	mẫu	2	400.000	800.000
	Công lấy mẫu	công	1	120.000	120.000
7.4	Thuê xe đi lấy mẫu, bảo quản mẫu	km	600	7.000	4.200.000

Handwritten signature

Handwritten signature

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
II	Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, chủ cơ sở và công nhân chăn nuôi				20.960.000
1	Thuê hội trường, không tính máy nước thiết bị (2 ngày)	ngày	2	3.500.000	7.000.000
2	Nước uống phục vụ học viên (70 người x 2 ngày)	người	80	5.000	400.000
3	Tài liệu tập huấn (10 trang x 40 người/lớp)	quyển	40	25.000	1.000.000
4	Văn phòng phẩm (40 người/lớp)	người	40	10.000	400.000
5	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên (30 người/lớp x 2 ngày)	người	60	70.000	4.200.000
6	Hỗ trợ tiền ngủ cho học viên (30 người/lớp)	người	30	140.000	4.200.000
7	Thù lao giảng viên (2 ngày x 1 người)	ngày	2	200.000	400.000
8	Công tác phí (4 người x 2 ngày)	người	8	70.000	560.000
9	Tiền ngủ cho BTC và giảng viên	đêm	5	140.000	700.000
10	Thuê xe đưa đón giảng viên (2 ngày)	km	300	7.000	2.100.000
III	Giám sát mô hình				27.220.000
1	Công lập sổ sách theo dõi	công	4	50.000	200.000
2	Phô tô sổ sách ghi chép theo dõi kỹ thuật	quyển	4	10.000	40.000
3	Công thuê cán bộ theo dõi giám sát mô hình (cấp tỉnh) - 2 người	tháng	4,8	2.000.000	9.600.000
4	Công kỹ thuật theo dõi giám sát mô hình tại cơ sở (12 tháng x 4 công/tháng x 70.000 đ/công x 2 cơ sở)	công	96	70.000	6.720.000
5	Hỗ trợ thuốc sát trùng	kg	16	160.000	2.560.000
6	Phân tích mẫu				3.900.000
6.1	Phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn nước chăn nuôi				1.020.000
	pH trong nước	mẫu	2	80.000	160.000
	Asen (As)	mẫu	2	120.000	240.000
	Chì (Pb)	mẫu	2	120.000	240.000
	E.Coli	mẫu	2	70.000	140.000
	Salmonella	mẫu	2	60.000	120.000
	Công lấy mẫu	công	1	120.000	120.000
6.2	Phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn nước thải chăn nuôi				580.000
	COD	mẫu	2	50.000	100.000
	BOD	mẫu	2	50.000	100.000
	E.Coli	mẫu	2	70.000	140.000
	Salmonella	mẫu	2	60.000	120.000
	Công lấy mẫu	công	1	120.000	120.000
6.3	Kiểm tra chất cảm tồn dư trong nước tiểu gia súc				1.300.000
	Phân tích định tính Clenbuterol	mẫu	1	400.000	400.000

Handwritten signature/initials

Handwritten signature/initials

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Phân tích định tính Salbutamol	mẫu	1	400.000	400.000
	Phân tích định tính Ractopamin	mẫu	1	400.000	400.000
	Công lấy mẫu	công	0,83	120.000	100.000
6.4	Kiểm tra chất lượng trứng gia cầm				1.000.000
	Độ ẩm ban đầu	mẫu	1	60.000	60.000
	Độ ẩm liên kết	mẫu	1	60.000	60.000
	Protein	mẫu	1	70.000	70.000
	Khoáng tổng số	mẫu	1	70.000	70.000
	Lipit	mẫu	1	80.000	80.000
	Axit amin	mẫu	1	450.000	450.000
	Salmonella	mẫu	1	60.000	60.000
	Công lấy mẫu	công	1,25	120.000	150.000
6.5	Thuê xe đi lấy mẫu, bảo quản mẫu	km	600	7.000	4.200.000
IV	Chi khác				3.323.500
	B. Hỗ trợ xây dựng 02 mô hình chăn nuôi bò sữa theo quy trình VIETGAHP tại Nghệ An	tỉnh	1	70.000.000	70.000.000
I	Khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở chăn nuôi				18.496.500
1	Công lập phiếu điều tra	công	1	70.000	70.000
2	Công khảo sát điều tra (4 người x 3 công)	công	12	70.000	840.000
	Lưu trú cho cán bộ đi điều tra (4 người)	đêm	8	140.000	1.120.000
3	Cung cấp thông tin	phiếu	4	60.000	240.000
4	In ấn phiếu điều tra	trang	1	500,00	500
5	Phô tô phiếu điều tra (4 bộ x 5 trang x 300 đ/trang)	trang	20	300,00	6.000
6	Thuê xe đi khảo sát	km	1000	7.000	7.000.000
7	Phân tích mẫu				5.020.000
7.1	Phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn nước chăn nuôi				1.020.000
	pH trong nước	mẫu	2	80.000	160.000
	Asen (As)	mẫu	2	120.000	240.000
	Chì (Pb)	mẫu	2	120.000	240.000
	E.Coli	mẫu	2	70.000	140.000
	Salmonella	mẫu	2	60.000	120.000
	Công lấy mẫu	công	1	120.000	120.000
7.2	Phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn nước thải chăn nuôi				580.000
	COD	mẫu	2	50.000	100.000
	BOD	mẫu	2	50.000	100.000
	E.Coli	mẫu	2	70.000	140.000
	Salmonella	mẫu	2	60.000	120.000
	Công lấy mẫu	công	1	120.000	120.000
7.3	Phân tích thức ăn				3.420.000
	Protein	mẫu	6	50.000	300.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Khoảng tổng số	mẫu	6	50.000	300.000
	Ấm tổng số	mẫu	6	50.000	300.000
	Phân tích định tính Clo	mẫu	2	400.000	800.000
	Phân tích định tính S	mẫu	2	400.000	800.000
	Phân tích định tính Asen	mẫu	2	400.000	800.000
	Công lấy mẫu	công	1	120.000	120.000
7.4	Thuê xe đi lấy mẫu, vận chuyển mẫu	km	600	7.000	4.200.000
II	Nâng cao nhận thức cho ban bộ quản lý, chủ cơ sở và công nhân chăn nuôi				20.960.000
1	Thuê hội trường, khánh tiết, máy móc thiết bị (2 ngày)	ngày	2	3.500.000	7.000.000
2	Nước uống phục vụ lớp học (40 người x 2 ngày)	người	80	5.000	400.000
3	Tài liệu tập huấn (30 trang/q x 40 người/lớp)	quyển	40	25.000	1.000.000
4	Văn phòng phẩm (40 người/lớp)	người	40	10.000	400.000
5	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên (30 người/lớp x 2 ngày)	người	60	70.000	4.200.000
6	Hỗ trợ tiền ngủ cho học viên (30 người/lớp)	người	30	140.000	4.200.000
7	Thù lao giảng viên (2 ngày x 1 người)	ngày	2	200.000	400.000
8	Công tác phí (4 người x 2 ngày)	người	8	70.000	560.000
9	Tiền ngủ cho BTC và giảng viên	đêm	5	140.000	700.000
10	Thuê xe đưa đón giảng viên (2 ngày)	km	300	7.000	2.100.000
III	Giám sát mô hình				27.520.000
1	Công lập sổ sách theo dõi	công	4	50.000	200.000
2	Phô tô sổ sách ghi chép theo dõi kỹ thuật	quyển	4	10.000	40.000
3	Công thuê cán bộ theo dõi giám sát mô hình (cấp tỉnh) - 2 người	tháng	4,8	2.000.000	9.600.000
4	Công kỹ thuật theo dõi giám sát mô hình tại cơ sở (12 tháng x 4 công/tháng x 70.000 đ/công x 2 cơ sở)	công	96	70.000	6.720.000
5	Hỗ trợ thuốc sát trùng	kg	16	160.000	2.560.000
6	Phân tích mẫu				8.400.000
6.1	Phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn nước chăn nuôi				1.020.000
	pH trong nước	mẫu	2	80.000	160.000
	Asen (As)	mẫu	2	120.000	240.000
	Chì (Pb)	mẫu	2	120.000	240.000
	E.Coli	mẫu	2	70.000	140.000
	Salmonella	mẫu	2	60.000	120.000
	Công lấy mẫu	công	1	120.000	120.000
6.2	Phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn nước thải chăn nuôi				580.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	COD	mẫu	2	50.000	100.000
	BOD	mẫu	2	50.000	100.000
	E.Coli	mẫu	2	70.000	140.000
	Salmonella	mẫu	2	60.000	120.000
	Công lấy mẫu	công	1,00	120.000	120.000
6.3	Kiểm tra chất cảm tồn dư trong nước tiểu gia súc				6.800.000
	Phân tích định tính Clenbuterol	mẫu	2	400.000	800.000
	Phân tích định tính Salbutamol	mẫu	2	400.000	800.000
	Phân tích định tính Ractopamin	mẫu	2	400.000	800.000
	Công lấy mẫu	công	1,67	120.000	200.000
6.5	Thuê xe đi lấy mẫu, bảo quản mẫu	km	600	7.000	4.200.000
IV	Chi khác				3.023.500
	C. CHI KHÁC				79.600.000
1	Xây dựng đề cương chi tiết	Đc	1	1.000.000	1.000.000
2	Hội nghị duyệt đề cương				1.920.000
	Chủ tịch hội đồng	người	1	300.000	300.000
	Ủy viên + thư ký khoa học	người	6	200.000	1.200.000
	Khách mời	người	6	70.000	420.000
4	Hội nghị nghiệm thu nhiệm vụ cơ sở				1.920.000
	Chủ tịch hội đồng	người	1	300.000	300.000
	Ủy viên + thư ký khoa học	người	6	200.000	1.200.000
	Khách mời	người	6	70.000	420.000
5	Hội nghị nghiệm thu nhiệm vụ cấp Bộ				1.920.000
	Chủ tịch hội đồng	người	1	300.000	300.000
	Ủy viên + thư ký khoa học	người	6	200.000	1.200.000
	Khách mời	người	6	70.000	420.000
6	Viết báo cáo tổng kết	bc	1	3.000.000	3.000.000
7	Kiểm tra, chỉ đạo thực hiện hỗ trợ				51.100.000
	Thuê xe (2 đợt)	km	4.500	7.000	31.500.000
	Công tác phí (5 người x 10 ngày * 2 đợt)	đồng	100	70.000	7.000.000
	Lưu trú (5 người x 9 đêm x 2 đợt- Khoán ngủ)	đồng	90	140.000	12.600.000
9	Văn phòng phẩm, Điện thoại, Dự phòng ng			18.740.000	18.740.000
	Tổng cộng A+ B + C				359.600.000

Nội dung 6: Kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong các cơ sở chăn nuôi (1.000 triệu đồng)

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong các cơ sở chăn nuôi gia cầm trên địa bàn thành phố Hải Phòng (100 triệu đồng)				

HS

Y

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Điều tra, khảo sát tình hình chăn nuôi gia cầm trên địa bàn huyện				4.996.000
1	Lập phiếu điều tra	bộ	1	500.000	500.000
2	Phô tô phiếu điều tra huyện (12 cơ sở x 4 trang/bộ)	trang	92	500	46.000
3	Công cung cấp thông tin điều tra khảo sát	công	23	50.000	1.150.000
4	Công khảo sát điều tra (23 cơ sở)	công	23	50.000	1.150.000
5	Xử lý kết quả từ phiếu điều tra	phiếu	23	50.000	1.150.000
6	Báo cáo đánh giá chung tình hình chăn nuôi gia cầm trên địa bàn huyện	B/C	1	1.000.000	1.000.000
	Kiểm tra đánh giá điều kiện VSTY tại các cơ sở chăn nuôi gà				5.324.000
1	Lập phiếu điều tra	bộ	1	500.000	500.000
2	Phô tô phiếu điều tra (12 cơ sở x 4 trang/ bộ)	trang	48	500	24.000
3	Công khảo sát điều tra (12 cơ sở x 1 công/cơ sở)	công	12	50.000	600.000
4	Cung cấp thông tin (12 cơ sở x 1 phiếu/cơ sở)	phiếu	12	50.000	600.000
5	Công kiểm tra các cơ sở (12 cơ sở x 1 công/cơ sở)	công	12	50.000	600.000
7	Thuê xe đi khảo sát đánh giá	km	200	7.000	1.400.000
8	Xử lý kết quả từ phiếu điều tra	phiếu	12	50.000	600.000
9	Báo cáo đánh giá 12 cơ sở chăn nuôi gà	B/C	1	1.000.000	1.000.000
	Xác định mức độ ô nhiễm sinh học và tồn dư hoá chất của một số cơ sở chăn nuôi gà				77.550.000
1	Phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn nước chăn nuôi				
	Coliforms (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	20.000	240.000
	E.coli (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	20.000	240.000
	Salmonella (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	60.000	720.000
	Asen (As) (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	120.000	1.440.000
	Chì (Pb) (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	120.000	1.440.000
	Công lấy mẫu nguồn nước uống trong chăn nuôi 2 lần	công	60	50.000	3.000.000
2	Kiểm tra chất độn chuồng				
	Coliforms (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	20.000	240.000
	Salmonella (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	50.000	600.000
	Tổng số vi khuẩn hiếu khí (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	60.000	720.000
	Công lấy mẫu kiểm tra chất độn chuồng 2 lần	công	36	50.000	1.800.000
3	Kiểm tra mức độ ô nhiễm không khí chuồng nuôi				
	Nhiệt độ (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	10.000	120.000
	Âm độ (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	10.000	120.000

Handwritten signature/initials

Handwritten signature/initials

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Nồng độ NH3 (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	50.000	600.000
	Nồng độ H2S (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	50.000	600.000
	Tổng số vi khuẩn hiếu khí (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	60.000	720.000
	Công lấy mẫu không khí chuồng nuôi 2 lần	công	60	50.000	3.000.000
4	Kiểm tra sự tồn dư hóa chất trong thức ăn chăn nuôi gia cầm				
	Phân tích định tính Clenbuterol (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	400.000	4.800.000
	Phân tích định tính Salbutamol (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	400.000	4.800.000
	Phân tích định tính Ractopamin (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	700.000	8.400.000
	Phân tích định lượng Clenbuterol (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	400.000	4.800.000
	Phân tích định lượng Salbutamol (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	400.000	4.800.000
	Phân tích định lượng Ractopamin (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	700.000	8.400.000
	Công lấy mẫu thức ăn (1kg x 01 mẫu) 2 lần	công	72	50.000	3.600.000
5	Kiểm tra các chất cấm tồn dư trong phân gà (định tính)				
	Phân tích định tính Clenbutero (4 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	8	400.000	3.200.000
	Phân tích định tính Salbutamol (4 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	8	400.000	3.200.000
	Phân tích định tính Ractopamin (4 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	8	700.000	5.600.000
	Công lấy mẫu 2 lần	công	24	50.000	1.200.000
6	Thu thập xử lý số liệu	công	15	50.000	750.000
7	Thuê xe đi khảo sát và lấy mẫu (2 đợt x 6 cơ sở x 150km/đợt)	km	1.200	7.000	8.400.000
	Chi khác				12.130.000
1	Xây dựng đề cương chi tiết	ĐC	1	1.000.000	1.000.000
2	Hội đồng duyệt đề cương				
	Chủ tịch hội đồng	người	1	300.000	300.000
	Phó chủ tịch hội đồng	người	1	200.000	200.000
	Ủy viên và thư ký khoa học	người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	người	1	150.000	150.000
	Khách mời	người	7	70.000	490.000
3	Hội nghị nghiệm thu nhiệm vụ				
	Chủ tịch hội đồng	người	1	300.000	300.000
	Phó chủ tịch hội đồng	người	1	200.000	200.000
	Ủy viên và thư ký khoa học	người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	người	1	150.000	150.000
	Khách mời	người	8	70.000	560.000
4	Viết báo cáo tổng hợp	B/C	1	3.000.000	3.000.000
5	Văn phòng phẩm, điện thoại, fax				3.380.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Tổng cộng				100.000.000
II	Kiểm tra, giám sát ô nhiễm môi trường và tồn dư hóa chất trong các cơ sở chăn nuôi gia cầm trên địa bàn tỉnh Tây Giang (150 triệu đồng)				
1	Lập phiếu điều tra	Phiếu	2	500.000	1.000.000
2	Phổ tổ phiếu điều tra		100	500	50.000
3	Công khảo sát điều tra	ngày	50	50.000	2.500.000
4	Cung cấp thông tin	chiều	70	50.000	3.500.000
5	Công lấy mẫu nguồn nước chăn nuôi kiểm tra các chỉ số Coliform, E.coli, Asen, chì, Salmonella (3 người x 16 địa điểm x 2 lần)	công	96	50.000	4.800.000
6	Công lấy mẫu nguồn nước thải chăn nuôi kiểm tra COD, BOD5, E.coli, Salmonella (3 người x 16 địa điểm x 2 lần)	công	96	50.000	4.800.000
7	Công lấy mẫu không khí chuồng nuôi kiểm tra các chỉ số H2S, NH3, VK hiếu khí (3 người x 16 địa điểm x 2 lần)	công	96	50.000	4.800.000
8	Công lấy mẫu đệm chuồng kiểm tra Coliform, Salmonella và VK hiếu khí (gia cầm) (3 người x 16 địa điểm x 2 lần)	công	48	50.000	2.400.000
9	Công lấy mẫu TACN kiểm tra các chất cấm: Clenbuterol, Salbutamol, Ractopamin, nấm mốc	công	48	50.000	2.400.000
10	Công lấy mẫu kiểm tra tồn dư trong chất thải lợn, gia cầm (3 người x 8 địa điểm x 2 lần)	công	48	50.000	2.400.000
11	Công gửi mẫu phân tích	công	20	50.000	1.000.000
12	Thuê xe khảo sát, lấy mẫu, gửi mẫu	chuyến	25	1.000.000	25.000.000
13	K.tra phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn nước chăn nuôi bao gồm Asen, chì, E.coli, Salmonella, Coliform:				
	Asen (As) (16 cơ sở x 1 mẫu x 2 lần)	mẫu	32	100.000	3.200.000
	Chì (Pb) (16 cơ sở x 1 mẫu x 2 lần)	mẫu	32	80.000	2.560.000
	E.coli (16 cơ sở x 1 mẫu x 2 lần)	mẫu	32	70.000	2.240.000
	Salmonella (16 cơ sở x 1 mẫu x 2 lần)	mẫu	32	60.000	1.920.000
	Coliform (16 cơ sở x 1 mẫu x 2 lần)	mẫu	32	80.000	2.560.000
14	K.tra phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn nước thải chăn nuôi bao gồm COD, BOD5, E.coli, Salmonella:				
	COD (16 cơ sở x 1 mẫu x 2 lần)	mẫu	32	100.000	3.200.000
	BOD5 (16 cơ sở x 1 mẫu x 2 lần)	mẫu	32	100.000	3.200.000
	E.coli (16 cơ sở x 1 mẫu x 2 lần)	mẫu	32	70.000	2.240.000
	Salmonella (16 cơ sở x 1 mẫu x 2 lần)	mẫu	32	60.000	1.920.000
15	K.tra, phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến đệm chuồng nuôi gia cầm: Coliform, Salmonella, VK hiếu khí				
	Coliform (8 cơ sở x 1 mẫu x 2 lần)	mẫu	16	80.000	1.280.000
	Salmonella (8 cơ sở x 1 mẫu x 2 lần)	mẫu	16	60.000	960.000
	VK hiếu khí (8 cơ sở x 1 mẫu x 2 lần)	mẫu	16	80.000	1.280.000

Handwritten signature

Handwritten signature

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
16	Phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn không khí chuồng nuôi bao gồm nồng độ khí H ₂ S, NH ₃ , Coliform tổng số:				
	Nồng độ H ₂ S (16 cơ sở x 1 mẫu x 2 lần)	mẫu	32	60.000	1.920.000
	Nồng độ NH ₃ (16 cơ sở x 1 mẫu x 2 lần)	mẫu	32	70.000	2.240.000
	VK hiệu khí (16 cơ sở x 1 mẫu x 2 lần)	mẫu	32	80.000	2.560.000
17	Kiểm tra các chất cấm trong TÁC N:				
	Clenbuterol	mẫu	16	400.000	6.400.000
	Salbutamol	mẫu	16	400.000	6.400.000
	Ractopamin	mẫu	16	700.000	11.200.000
18	Kiểm tra các chất cấm tồn dư trong nước tiểu lợn				
	Clenbuterol	Mẫu	8	400.000	3.200.000
	Salbutamol	mẫu	8	400.000	3.200.000
	Ractopamin	mẫu	8	700.000	5.600.000
19	Kiểm tra các chất cấm tồn dư trong phân gia cầm				
	Clenbuterol	mẫu	8	400.000	3.200.000
	Salbutamol	mẫu	8	400.000	3.200.000
	Ractopamin	mẫu	8	700.000	5.600.000
20	Xây dựng đề cương chi tiết	ĐC	1	1.500.000	1.500.000
21	Hội đồng duyệt đề cương				
	Chủ tịch HĐ	người	1	300.000	300.000
	Ủy viên	người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	người	1	150.000	150.000
	Khách mời	người	5	70.000	350.000
22	Hội đồng nghiệm thu dự án				
	Chủ tịch HĐ	người	1	300.000	300.000
	Ủy viên	người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	người	1	150.000	150.000
	Khách mời	người	10	70.000	700.000
23	Văn phòng phẩm, điện thoại, fax				2.420.000
24	Chụp ảnh				300.000
25	Thu thập, xử lý số liệu	công	10	50.000	500.000
26	Viết báo cáo tổng hợp	BC	1	2.000.000	2.000.000
27	Thù lao cho chủ nhiệm dự án	tháng	3	1.000.000	3.000.000
	Tổng cộng				150.000.000
III	Kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong các cơ sở chăn nuôi gia cầm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (100 triệu đồng)				
	Kiểm tra đánh giá điều kiện VSTY tại các cơ sở chăn nuôi				
1	Lập phiếu điều tra	Bộ	1	500.000	500.000
2	Phô tô phiếu điều tra(6 cơ sở x 2 trang x 2 bộ)	Trang	24	500	12.000
3	Công khảo sát điều tra(6 cơ sở x 5 công/cơ sở)	Công	30	70.000	2.100.000

Handwritten signature

Handwritten signature

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
4	Cung cấp thông tin(6cơ sở x 1 phiếu)	Phiếu	6	50.000	300.000
5	Công kiểm tra các cơ sở (6cơ sở x 120.000đ/công)	Công	12	120.000	1.440.000
6	Tiền thuê phòng nghỉ 1 huyện x 5 đêm	Đêm	6	140.000	840.000
7	Thuê xe đi khảo sát đánh giá	Chiều	300	7.000	2.100.000
8	Xử lý kết quả từ phiếu điều tra	Phiếu	24	50.000	1.200.000
9	Báo cáo đánh giá	b/c	2	1.000.000	2.000.000
10	Xác định mức độ ô nhiễm sinh học và tồn dư hoá chất của một số cơ sở chăn nuôi lợn				
11	Phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn nước chăn nuôi				
	Asen(As) 6 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở x 2 lần)	mẫu	12	80.000	960.000
	Chì(Pb) 6 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở x 2 lần)	mẫu	12	80.000	960.000
	E.coli (6 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở x 2 lần)	mẫu	12	60.000	720.000
	Salmonella(6 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở x 2 lần)	mẫu	12	60.000	720.000
	Coliform (6 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở x 2 lần)	mẫu	12	60.000	720.000
	Công lấy mẫu nguồn nước uống trong chăn nuôi (1 công/cơ sở x 6 cơ sở x 2 lần)	Công	12	50.000	600.000
12	Phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn nước thải trong chăn nuôi				
	COD (6 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở x 2 lần)	mẫu	12	80.000	960.000
	BOD (6 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở x 2 lần)	mẫu	12	80.000	960.000
	E.coli (6 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở x 2 lần)	mẫu	12	60.000	720.000
	Salmonella (6 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở x 2 lần)	mẫu	12	60.000	720.000
	Công lấy mẫu nguồn nước thải trong chăn nuôi (1 công/cơ sở x 6 cơ sở x 2 lần)	Công	12	50.000	600.000
13	Phân tích các chỉ số có ảnh hưởng đến không khí chuồng nuôi				
	Nồng độ NH ₃ (6 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở x 2 lần)	mẫu	12	300.000	3.600.000
	Nồng độ H ₂ S (6 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở x 2 lần)	mẫu	12	300.000	3.600.000
	Công lấy mẫu không khí chuồng nuôi (1 công/cơ sở x 6 cơ sở x 2 lần)	Công	12	50000	600.000
14	Kiểm tra các chất cấm trong thức ăn chăn nuôi				
	Phân tích định tính Clenbuterol (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	450.000	5.400.000
	Phân tích định tính Salbutamol (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	450.000	5.400.000
	Phân tích định tính Ractopamin (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	450.000	5.400.000



Handwritten signature/initials

Handwritten signature/initials

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Phân tích định lượng Clenbuterol (6 cơ sở x 01 mẫu x 1 lần)	mẫu	6	1.000.000	6.000.000
	Phân tích định lượng Salbutamol (6 cơ sở x 01 mẫu x 1 lần)	mẫu	6	1.000.000	6.000.000
	Phân tích định lượng Ractopamin 6 cơ sở x 01 mẫu x 1 lần)	mẫu	6	700.000	4.200.000
	Công lấy mẫu thức ăn (1kg x 01 mẫu) (1 công/cơ sở x 6 cơ sở x 2 lần)	Công	12	50000	600.000
15	Kiểm tra các chất cấm tồn dư trong nước tiểu của lợn(định tính)				
	Phân tích định tính Clenbuterol (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	450.000	5.400.000
	Phân tích định tính Salbutamol (6 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	12	450.000	5.400.000
	Phân tích định tính Ractopamin (6 cơ sở x 01 mẫu x 2lần)	mẫu	12	450.000	5.400.000
	Công lấy mẫu	Công	12	50.000	600.000
16	Thu thập xử lý số liệu	Công	10	50.000	500.000
17	Thuê xe đi khảo sát và lấy mẫu (2 đợt x 6 cơ sở x 150km/đợt	km	1800	7.000	12.600.000
18	Xây dựng đề cương chi tiết	ĐC	1	500.000	500.000
19	Hội đồng duyệt đề cương				
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	300.000	300.000
	Phó chủ tịch hội đồng	Người	1	200.000	200.000
	Ủy viên và thư ký khoa học	Người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	Người	1	150.000	150.000
	Khách mời	Người	7	70.000	490.000
20	Hội nghị nghiệm thu nhiệm vụ				
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	300.000	300.000
	Phó chủ tịch hội đồng	Người	1	200.000	200.000
	Ủy viên và thư ký khoa học	Người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	Người	1	150.000	150.000
	Khách mời	Người	8	70.000	560.000
21	Viết báo cáo tổng hợp	b/c	1	2.000.000	2.000.000
22	Văn phòng phẩm, điện thoại, Fax			2.918.000	2.918.000
	Tổng cộng				100.000.000
IV	Kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong các cơ sở chăn nuôi lợn và gia cầm trên địa bàn tỉnh Nghệ An (150 triệu đồng)				
	Kiểm tra đánh giá điều kiện VSTY tại các cơ sở chăn nuôi				10.894.000
1.1	Lập phiếu điều tra	Bộ	1	500.000	500.000
1.2	Phô tô phiếu điều tra(12 cơ sở x 2 trang x 2 bộ)	Trang	48	500	24.000
1.3	Công khảo sát điều tra(12 cơ sở x 2 công/cơ sở)	Công	24	70.000	1.680.000
1.4	Cung cấp thông tin(12 cơ sở x 1 phiếu/cơ sở)	Phiếu	12	20.000	240.000

Handwritten signature

Handwritten signature

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1.5	Công kiểm tra các cơ sở (12 cơ sở sò)	Công	24	120.000	2.880.000
1.6	Tiền thuê phòng nghỉ (4 ngày)	ngày	16	120.000	1.920.000
1.7	Thuê xe đi khảo sát đánh giá	Km	150	7.000	1.050.000
1.8	Xử lý kết quả từ phiếu điều tra	phiếu	12	50.000	600.000
1.9	Báo cáo đánh giá	b/c	1	2.000.000	2.000.000
2	Xác định mức độ ô nhiễm sinh học và hoá chất của một số cơ sở chăn nuôi				86.640.000
2.1	Phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn nước chăn nuôi				26.160.000
	Asen(As) (12 cơ sở x 1,5 mẫu)	mẫu	18	400.000	7.200.000
	Chì(Pb) (12 cơ sở x 1,5 mẫu)	mẫu	18	400.000	7.200.000
	E.coli (12 cơ sở x 02 mẫu)	mẫu	24	80.000	1.920.000
	Coliforms (12 cơ sở x 02 mẫu)	mẫu	24	60.000	1.440.000
	Salmonella (12 cơ sở x 02 mẫu)	mẫu	24	150.000	3.600.000
	Công lấy mẫu nguồn nước uống trong chăn nuôi	Công	96	50.000	4.800.000
2.2	Phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn nước thải trong chăn nuôi				13.920.000
	COD (12 cơ sở x 02 mẫu)	mẫu	24	80.000	1.920.000
	BOD (12 cơ sở x 02 mẫu)	mẫu	24	70.000	1.680.000
	E.coli (12 cơ sở x 02 mẫu)	mẫu	24	80.000	1.920.000
	Salmonella (12 cơ sở x 02 mẫu)	mẫu	24	150.000	3.600.000
	Công lấy mẫu nguồn nước thải trong chăn nuôi	Công	96	50.000	4.800.000
2.3	Kiểm tra đệm chuồng				2.160.000
	Coliforms (6 cơ sở x 02 mẫu)	mẫu	12	60.000	720.000
	Salmonella (6 cơ sở x 02 mẫu)	mẫu	12	60.000	720.000
	VK hiếu khí (6 cơ sở x 02 mẫu)	mẫu	12	60.000	720.000
2.4	Phân tích các chỉ số có ảnh hưởng đến không khí chuồng nuôi				8.400.000
	Nồng độ NH3 (12 cơ sở x 02 mẫu)	mẫu	24	50.000	1.200.000
	Nồng độ H2S (12 cơ sở x 02 mẫu)	mẫu	24	50.000	1.200.000
	Nồng độ CH4 (12 cơ sở x 02 mẫu)	mẫu	24	50.000	1.200.000
	Công lấy mẫu không khí chuồng nuôi	Công	96	50.000	4.800.000
2.5	Kiểm tra các chất cấm trong thức ăn chăn nuôi				16.800.000
	Phân tích định tính Clenbuterol (12 cơ sở x 01 mẫu)	mẫu	12	400.000	4.800.000
	Phân tích định tính Salbutamol (12 cơ sở x 01 mẫu)	mẫu	12	400.000	4.800.000
	Phân tích định tính Ractopamin (12 cơ sở x 01 mẫu)	mẫu	12	400.000	4.800.000
	Công lấy mẫu thức ăn (1kg x 01 mẫu)	Công	48	50.000	2.400.000
2.6	Kiểm tra các chất cấm tồn dư trong nước tiểu của lợn(định tính)				9.600.000



Handwritten signature/initials

Handwritten signature/initials

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Phân tích định tính Clenbuterol (6 cơ sở x 01 mẫu)	mẫu	6	400.000	2.400.000
	Phân tích định tính Salbutamol (6 cơ sở x 01 mẫu)	mẫu	6	400.000	2.400.000
	Phân tích định tính Ractopamin (6 cơ sở x 01 mẫu)	mẫu	6	400.000	2.400.000
	Công lấy mẫu	Công	48	50.000	2.400.000
2,7	Kiểm tra các chất cấm tồn dư trong phân gà (định tính)				9.600.000
	Phân tích định tính Clenbuterol (6 cơ sở x 01 mẫu)	mẫu	6	400.000	2.400.000
	Phân tích định tính Salbutamol (6 cơ sở x 01 mẫu)	mẫu	6	400.000	2.400.000
	Phân tích định tính Ractopamin (6 cơ sở x 01 mẫu)	mẫu	6	400.000	2.400.000
	Công lấy mẫu	Công	48	50.000	2.400.000
3	Thu thập xử lý số liệu	Công	10	50.000	500.000
4	Thuê xe đi lấy mẫu và đi phân tích				33.300.000
4.1	Thuê xe đi lấy mẫu (2 đợt x 12 cơ sở x 1 ngày/2 cơ sở) + bổ sung	ngày	15	1.500.000	22.500.000
4.2	Thuê xe đi phân tích	ngày	6	1.800.000	10.800.000
5	Chi khác				19.166.000
5.1	Xây dựng đề cương chi tiết	ĐC	1	1.000.000	1.000.000
5.2	Hội đồng duyệt đề cương				2.340.000
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	300.000	300.000
	Phó chủ tịch hội đồng	Người	1	200.000	200.000
	Ủy viên và thư ký khoa học	Người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	Người	1	150.000	150.000
	Khách mời	Người	7	70.000	490.000
5.3	Hội nghị nghiệm thu nhiệm vụ				2.410.000
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	300.000	300.000
	Phó chủ tịch hội đồng	Người	1	200.000	200.000
	Ủy viên và thư ký khoa học	Người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	Người	1	150.000	150.000
	Khách mời	Người	8	70.000	560.000
5.4	Viết báo cáo tổng hợp	báo cáo	1	2.000.000	2.000.000
5.5	Văn phòng phẩm, điện thoại, Fax				6.000.000
5.6	Dự phòng				5.416.000
	Tổng cộng				150.000.000
V	Kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong các cơ sở chăn nuôi lợn và gia cầm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (150 triệu đồng)				
1	Lập phiếu điều tra	Bộ	1	500.000	500.000
2	Pho to phiếu điều tra (05 trang x 50 bộ)	Trang	250	250	62.500
2	Công khảo sát điều tra	Công	30	70.000	2.100.000
3	Cung cấp thông tin	Phiếu	50	20.000	1.000.000
4	Công kiểm tra các cơ sở	Công	50	120.000	6.000.000

Handwritten signature

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
5	Kiểm tra các chỉ số có ảnh hưởng đến nguồn nước chăn nuôi, bao gồm: COD, BOD, E.coli, Salmonella				
	Công lấy mẫu nguồn nước (06 huyện x 04 công/huyện)	Công	24	50.000	1.200.000
6	Kiểm tra các chỉ số có ảnh hưởng đến không khí chuồng nuôi				
	bao gồm: Nồng độ khí H2S, NH3, VK hiệu khí có dụng cụ hút khí kèm theo: (06 huyện x 04 công/huyện)	Công	24	100.000	2.400.000
7	Kiểm tra các chất cấm trong TACN như :				
	Clenbuterol, Salbutamol, Ractopamine, nấm mốc				
8	Kiểm tra các chỉ số có ảnh hưởng đến không khí chuồng nuôi				
	Kiểm tra các chất cấm tồn dư trong cơ thể vật nuôi qua phân tích nước tiểu và phân gia cầm: Công lấy mẫu (06 huyện x 04 công/huyện)	Công	24	50.000	1.200.000
9	Thuê xe khảo sát và lấy mẫu (6 lần x 120 km)	Km	720	7.000	5.040.000
10	Phân tích các chỉ số có ảnh hưởng đến nguồn nước chăn nuôi bao gồm: Asen, Chì, Salmonella, E.coli				
	Asen (As) (24 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở)	Mẫu	24	130.000	3.120.000
	Chì (Pb) (24 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở)	Mẫu	24	130.000	3.120.000
	E.coli (24 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở)	Mẫu	24	60.000	1.440.000
	Salmonella (24 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở)	Mẫu	24	50.000	1.200.000
11	Phân tích các chỉ số có ảnh hưởng đến nguồn nước thải				
	chăn nuôi bao gồm: COD, BOD, Salmonella, E.coli				
	COD (24 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở)	Mẫu	24	80.000	1.920.000
	BOD (24 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở)	Mẫu	24	80.000	1.920.000
	Salmonella (24 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở)	Mẫu	24	50.000	1.200.000
12	Phân tích các chỉ số có ảnh hưởng đến nguồn không khí				
	chuồng nuôi, bao gồm: nồng độ khí H2S, NH3, Coliform tổng				
	Nồng độ H2S (24 cơ sở x 02 mẫu/cơ sở)	Mẫu	48	60.000	2.880.000
	Nồng độ NH3 (24 cơ sở x 02 mẫu/cơ sở)	Mẫu	48	60.000	2.880.000
	Coliform tổng số (24 cơ sở x 02 mẫu/cơ sở)	Mẫu	48	60.000	2.880.000
13	Kiểm tra các chất cấm trong TACN ở các cơ sở chăn nuôi				
	(trong các máng ăn, nước uống như Clenbuterol, Salbutamol, Ractopamine)				

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Clenbuterol (PT định lượng): (24 CS x 01 mẫu)	Mẫu	24	500.000	12.000.000
	Salbutamo PT định lượng): (24 CS x 01 mẫu)	Mẫu	24	500.000	12.000.000
	Ractopamine PT định lượng): (12 CS x 01 mẫu)	Mẫu	24	550.000	13.200.000
	Độc tố nấm mốc (Aflatoxin B1) (24 cơ sở x 02 mẫu)	Mẫu	48	400.000	19.200.000
14	Kiểm tra Salmonella trong hậu môn gia cầm (12 cơ sở x 02 mẫu/cơ sở)	Mẫu	24	50.000	1.200.000
15	Kiểm tra các chất tồn dư trong nước tiểu của heo (định tính) (12 cơ sở x 02 mẫu/cơ sở)	Mẫu	24	400.000	9.600.000
16	Xây dựng đề cương chi tiết	ĐC	1	1.000.000	1.000.000
17	Hội đồng duyệt đề cương				
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	300.000	300.000
	Phó chủ tịch hội đồng	Người	1	200.000	200.000
	Ủy viên + Thư ký khoa học	Người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	Người	1	150.000	150.000
	Khách mời	Người	7	70.000	490.000
18	Hội nghị nghiệm thu nhiệm vụ lần 1				
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	300.000	300.000
	Phó chủ tịch hội đồng	Người	1	200.000	200.000
	Ủy viên + Thư ký khoa học	Người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	Người	1	150.000	150.000
	Khách mời	Người	8	70.000	560.000
19	Viết 02 báo cáo chuyên đề : 01 báo cáo về gia cầm và 01 báo cáo về heo.	Báo cáo	2	200.000	400.000
20	Viết báo cáo tổng hợp	Báo cáo	1	2.000.000	2.000.000
21	Văn phòng phẩm, điện thoại, fax				9.007.500
22	Tiền thuê phòng nghỉ (11 đêm x 05 người)	Phòng	55	140.000	7.700.000
23	Tiền lưu trú (12 ngày x 05 người)	Ngày	60	70.000	4.200.000
24	Thu thập, xử lý số liệu	Công	20	50.000	1.000.000
25	Chi phí gửi mẫu phân tích 6 đợt x 03 ngày/ đợt (Đà Lạt)				
	Công tác phí (6 đợt, 03 ngày/ đợt x 01 người)	Ngày	18	70.000	1.260.000
	Tiền tàu xe (6 lượt đi + về x 01 người)	Lượt	6	650.000	3.900.000
	Khoản chi phòng ngủ (02 đêm/ lượt x 6 lượt x 01 người)	Đêm	12	140.000	1.680.000
	Tổng cộng				150.000.000
VI	Kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong các cơ sở chăn nuôi lợn và gia cầm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (150 triệu đồng)				
	Điều tra, khảo sát tình hình chăn nuôi heo, gia cầm trên địa bàn huyện Châu Đức				8.520.000
1	Lập phiếu điều tra (01 bộ heo + 01 bộ gia cầm)	Bộ	2	500.000	1.000.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
2	Phô tô phiếu điều tra huyện Châu Đức (16 xã x 2 bộ x 5 trang/bộ)	Trang	160	500	80.000
3	Công cung cấp thông tin (16 xã x 2 công/xã)	Công	32	50.000	1.600.000
4	Công khảo sát điều tra (16 xã x 2 công/xã)	Công	32	70.000	2.240.000
5	Xử lý kết quả từ phiếu điều tra	phiếu	32	50.000	1.600.000
6	Báo cáo đánh giá chung tình hình chăn nuôi heo, gia cầm trên địa bàn huyện Châu Đức	b/c	2	1.000.000	2.000.000
	Kiểm tra đánh giá điều kiện VSTY tại các cơ sở chăn nuôi heo, gia cầm				10.440.000
1	Lập phiếu điều tra (01 bộ heo + 01 bộ gia cầm)	Bộ	2	500.000	1.000.000
2	Phô tô phiếu điều tra (24 cơ sở x 5 trang/ bộ)	Trang	120	500	60.000
3	Công khảo sát điều tra (24 cơ sở x 1 công/cơ sở)	Công	24	70.000	1.680.000
4	Cung cấp thông tin (24 cơ sở x 1 phiếu/cơ sở)	Phiếu	24	50.000	1.200.000
5	Công kiểm tra các cơ sở (24 cơ sở x 1 công/cơ sở)	Công	24	50.000	1.200.000
7	Thuê xe đi khảo sát đánh giá	Km	300	7.000	2.100.000
8	Xử lý kết quả từ phiếu điều tra	phiếu	24	50.000	1.200.000
9	Báo cáo đánh giá 24 cơ sở chăn nuôi heo, gà	b/c	2	1.000.000	2.000.000
	Xác định mức độ ô nhiễm sinh học và tồn dư hoá chất của một số cơ sở chăn nuôi heo, gia cầm				109.350.000
1	Phân tích các chỉ số ảnh hưởng đến nguồn nước chăn nuôi				
	Coliforms (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	20.000	480.000
	E.coli (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	70.000	1.680.000
	Salmonella (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	60.000	1.440.000
	Asen (As) (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	120.000	2.880.000
	Chì (Pb) (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	120.000	2.880.000
	Công lấy mẫu nguồn nước uống trong chăn nuôi 2 lần	Công	60	50.000	3.000.000
2	Kiểm tra chất độn chuồng				
	Coliforms (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	20.000	480.000
	Salmonella (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	50.000	1.200.000
	Tổng số vi khuẩn hiếu khí (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	60.000	1.440.000
	Công lấy mẫu nguồn nước thải trong chăn nuôi 2 lần	Công	36	50.000	1.800.000
3	Kiểm tra mức độ ô nhiễm không khí chuồng nuôi				
	Nhiệt độ (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	10.000	240.000

HS

HS

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Âm độ (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	10.000	240.000
	Nồng độ NH3 (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	50.000	1.200.000
	Nồng độ H2S (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	50.000	1.200.000
	Tổng số vi khuẩn hiếu khí (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	60.000	1.440.000
	Công lấy mẫu không khí chuồng nuôi 2 lần	Công	60	50.000	3.000.000
4	Kiểm tra sự tồn dư hóa chất trong thức ăn chăn nuôi heo, gia cầm				
	Phân tích định tính Clenbuterol (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	400.000	9.600.000
	Phân tích định tính Salbutamol (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	400.000	9.600.000
	Phân tích định tính Ractopamin (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	700.000	16.800.000
	Phân tích định lượng Clenbuterol (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	400.000	9.600.000
	Phân tích định lượng Salbutamol (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	400.000	9.600.000
	Phân tích định lượng Ractopamin (12 cơ sở x 01 mẫu x 2 lần)	mẫu	24	700.000	16.800.000
	Công lấy mẫu thức ăn (1kg x 01 mẫu) 2 lần	Công	72	50.000	3.600.000
5	Thu thập xử lý số liệu	Công	15	50.000	750.000
6	Thuê xe đi khảo sát và lấy mẫu (2 đợt x 12 cơ sở x 75 km/đợt)	Km	1200	7.000	8.400.000
	Chi khác				21.690.000
1	Xây dựng đề cương chi tiết	ĐC	1	1.000.000	1.000.000
2	Hội đồng duyệt đề cương				
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	300.000	300.000
	Phó chủ tịch hội đồng	Người	1	200.000	200.000
	Ủy viên và thư ký khoa học	Người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	Người	1	150.000	150.000
	Khách mời	Người	7	70.000	490.000
3	Hội nghị nghiệm thu nhiệm vụ				
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	300.000	300.000
	Phó chủ tịch hội đồng	Người	1	200.000	200.000
	Ủy viên và thư ký khoa học	Người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	Người	1	150.000	150.000
	Khách mời	Người	8	70.000	560.000
4	Viết báo cáo chuyên đề (01 báo cáo heo + 01 bc gà)	b/c	2	1.000.000	2.000.000
5	Viết báo cáo tổng hợp	B/c	1	3.000.000	3.000.000
6	Văn phòng phẩm, điện thoại, Fax			4.380.000	4.380.000
7	Chụp ảnh			560.000	560.000
8	Tiền lưu trú (10 ngày x 5 người)	ngày	50	120.000	6.000.000
	Tổng cộng				150.000.000

HS

HS

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
VII	Kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong các cơ sở chăn nuôi lợn và gia cầm trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (150 triệu đồng)				
1	Lập phiếu điều tra	Bộ	1	500.000	500.000
2	Pho to phiếu điều tra (05 trang x 50 đ)	Trang	250	500	125.000
3	Công khảo sát điều tra	Công	30	70.000	2.100.000
3	Cung cấp thông tin	Phiếu	50	20.000	1.000.000
4	Công kiểm tra các cơ sở	Công	50	120.000	6.000.000
5	Kiểm tra các chỉ số có ảnh hưởng đến nguồn nước chăn nuôi, bao gồm: E.coli, Salmonella, Coliorm, Asen, Chi Công lấy mẫu nguồn nước chăn nuôi: (24 địa điểm x 6 người)	Công	144	50.000	7.200.000
	Công lấy mẫu nguồn nước thái chăn nuôi (24 địa điểm x 6 người)	Công	144	50.000	7.200.000
6	Kiểm tra các chỉ số có ảnh hưởng đến không khí chuồng nuôi bao gồm: Nồng độ khí H2S, NH3, VK hiệu khí (24 địa điểm x 6 người)	Công	144	50.000	7.200.000
7	Kiểm tra các chất cấm trong TACN như : Clenbuterol, Salbutamol, Ractopamine, nấm mốc Công lấy mẫu thức ăn (24 điểm x 6 người)	Công	144	50.000	7.200.000
8	Kiểm tra các chất cấm tồn dư trong cơ thể vật nuôi qua phân tích nước tiểu Công lấy mẫu (12 điểm x 5 người)	Công	60	50.000	3.000.000
9	Thuê xe khảo sát và lấy mẫu (10 lần x 120 km)	Km	1200	7.000	8.400.000
10	Phân tích các chỉ số có ảnh hưởng đến nguồn nước chăn nuôi bao gồm: Asen, Chi, Salmonella, E.coli Asen (As) (12 cơ sở x 02 mẫu) Chi (Pb) (12 cơ sở x 02 mẫu) E .coli (12 cơ sở x 02 mẫu) Salmonella (12 cơ sở x 02 mẫu)	Mẫu	24	130.000	3.120.000
		Mẫu	24	130.000	3.120.000
		Mẫu	24	70.000	1.680.000
		Mẫu	24	60.000	1.440.000
11	Phân tích các chỉ số có ảnh hưởng đến nguồn nước thái chăn nuôi bao gồm: COD, BOD, Salmonella, E.coli COD ((12 cơ sở x 02 mẫu) BOD (12 cơ sở x 02 mẫu) Salmonella (12 cơ sở x 02 mẫu) E. coli (12 cơ sở x 02 mẫu)	Mẫu	24	66.000	1.584.000
		Mẫu	24	76.000	1.824.000
		Mẫu	24	70.000	1.680.000
		Mẫu	24	60.000	1.440.000
12	Phân tích các chỉ số có ảnh hưởng đến nguồn không khí chuồng nuôi, bao gồm: nồng độ khí H2S, NH3, Coliform tổng Nồng độ H2S (12 cơ sở x 02 mẫu) Nồng độ NH3 (12 cơ sở x 02 mẫu) Coliform tổng số (12 cơ sở x 02 mẫu)	Mẫu	24	57.000	1.368.000
		Mẫu	24	57.000	1.368.000
		Mẫu	24	55.000	1.320.000

Handwritten signature

Handwritten signature

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
13	Kiểm tra các chất cấm trong TACN ở các cơ sở chăn nuôi (trong các máng ăn, nước uống như Clenbuterol, Salbutamol, Ractopamine)				
	Clenbuterol (PT định tính): (6 CS x 02 mẫu)	Mẫu	12	143.000	1.716.000
	Salbutamo (PT định tính): (6 CS x 02 mẫu)	Mẫu	12	143.000	1.716.000
	Ractopamine (PT định tính): (6 CS x 02 mẫu)	Mẫu	12	143.000	1.716.000
	Clenbuterol (PT định lượng): (6 CS x 02 mẫu)	Mẫu	12	550.000	6.600.000
	Salbutamo (PT định lượng): (6 CS x 02 mẫu)	Mẫu	12	550.000	6.600.000
	Ractopamine (PT định lượng): (6 CS x 02 mẫu)	Mẫu	12	550.000	6.600.000
	Độc tố nấm mốc (Aflatoxin B1) (12 cơ sở x 01 mẫu)	Mẫu	12	400.000	4.800.000
14	Kiểm tra Salmonella trong hậu môn gia cầm (12 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở)	Mẫu	12	50.000	600.000
15	Kiểm tra các chất tồn dư trong nước tiểu của heo (định tính) (12 cơ sở x 01 mẫu/cơ sở)	Mẫu	12	800.000	9.600.000
16	Xây dựng đề cương chi tiết	ĐC	1	1.000.000	1.000.000
17	Hội đồng duyệt đề cương				
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	300.000	300.000
	Phó chủ tịch hội đồng	Người	1	200.000	200.000
	Ủy viên + Thư ký khoa học	Người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	Người	1	150.000	150.000
	Khách mời	Người	7	70.000	490.000
18	Hội nghị nghiệm thu nhiệm vụ lần 1				
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	300.000	300.000
	Phó chủ tịch hội đồng	Người	1	200.000	200.000
	Ủy viên + Thư ký khoa học	Người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	Người	1	150.000	150.000
	Khách mời	Người	8	70.000	560.000
19	Hội nghị nghiệm thu nhiệm vụ lần 2				
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	300.000	300.000
	Phó chủ tịch hội đồng	Người	1	200.000	200.000
	Ủy viên + Thư ký khoa học	Người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	Người	1	150.000	150.000
	Khách mời	Người	8	70.000	560.000
20	Viết 02 báo cáo chuyên đề : 01 báo cáo về gia cầm và 01 báo cáo về heo.	Báo cáo	2	1.000.000	2.000.000
	Viết báo cáo tổng hợp	Báo cáo	1	3.000.000	3.000.000
22	Tiền thuê phòng nghỉ (20 đêm x 05 người)	Phòng	100	140.000	14.000.000
23	Tiền lưu trú (21 ngày x 05 người)	Ngày	105	70.000	7.350.000
24	Thu thập, xử lý số liệu	Công	50	50.000	2.500.000
25	Văn phòng phẩm, điện thoại, fax			2.573.000	2.573.000
26	Chụp ảnh			600.000	600.000
	Tổng cộng				150.000.000
VIII	Chi khác				
1	In tài liệu	Bộ	200	25.000	5.000.000
2	Vé máy bay	vé	3	4.100.000	12.300.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
2	Xe ô tô (miền Nam)	km	700	7.000	4.900.000
3	Công tác phí (4 người x 5 ngày)	người	20	70.000	1.400.000
4	Lưu trú (4 người x 4 đêm)	đêm	16	300.000	4.800.000
2	Xe ô tô (miền Bắc)	km	2200	7.000	15.400.000
3	Công tác phí (4 người x 8 ngày)	người	32	70.000	2.240.000
4	Lưu trú (4 người x 7 đêm) - (khứ hồi)	đêm	28	120.000	3.360.000
5	Chi khác				600.000
	Tổng cộng				50.000.000

PHẦN II: Tổng cộng các nội dung 1 + 2 đề nghị được phê duyệt là: 230,4 triệu đồng
(thanh toán cho nội dung thực hiện năm 2009)

Nội dung 1: Kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học và hoá chất trong cơ sở chăn nuôi lợn và gà tại các tỉnh phía Nam bao gồm: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tiền Giang và Cần Thơ

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Công khảo sát điều tra (4 tỉnh x 15 công x 70.000đ/công)	công	60	70.000	4.200.000
2	Cung cấp thông tin (4 tỉnh x 12 phiếu x 50.000đ/công)	phiếu	48	50.000	2.400.000
3	Công kiểm tra các cơ sở (4 tỉnh x 15 công x 4 người x 120.000đ/công)	công	240	120.000	28.800.000
4	Kiểm tra các chỉ số có ảnh hưởng đến nguồn nước chăn nuôi, bao gồm: Coliform, E.coli, Asen, Chi, salmonella				
	Công lấy mẫu nguồn nước chăn nuôi (4 tỉnh x 12 địa điểm x 6 người)	công	288	50.000	14.400.000
5	Kiểm tra các chỉ số có ảnh hưởng đến nguồn nước chăn nuôi, bao gồm: COD, BOD, E.coli, salmonella				
	Công lấy mẫu nguồn nước thải chăn nuôi (4 tỉnh x 12 địa điểm x 6 người)	công	288	50.000	14.400.000
6	Kiểm tra các chỉ số có ảnh hưởng đến không khí chuồng nuôi, bao gồm: Nồng độ khí H ₂ S, NH ₃ , VK hiếu khí				
	Công lấy mẫu không khí chuồng nuôi (4 tỉnh x 12 địa điểm x 6 người)	công	288	50.000	14.400.000
7	Kiểm tra các chất cấm trong TACN như: clenbuterol, salbutamol, ractopamine, nấm mốc				
	Công lấy mẫu thức ăn (4 tỉnh x 12 điểm x 6 người)	công	288	50.000	14.400.000
8	Kiểm tra các chất cấm tồn dư trong cơ thể vật nuôi qua phân tích nước tiểu				

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Công lấy mẫu (4 tỉnh x 12 điểm x 4 người)	công	192	50.000	9.600.000
9	Xây dựng đề cương chi tiết	ĐC	1	1.000.000	1.000.000
11	Hội đồng duyệt đề cương				
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	300.000	300.000
	Phó Chủ tịch hội đồng	Người	1	200.000	200.000
	Ủy viên + thư ký khoa học	Người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	Người	1	100.000	100.000
	Khách mời	Người	7	70.000	490.000
12	Hội nghị nghiệm thu nhiệm vụ lần 1				
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	300.000	300.000
	Phó Chủ tịch hội đồng	Người	1	200.000	200.000
	Ủy viên + thư ký khoa học	Người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	Người	1	100.000	100.000
	Khách mời	Người	8	70.000	560.000
13	Hội nghị nghiệm thu nhiệm vụ lần 2				
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	300.000	300.000
	Phó Chủ tịch hội đồng	Người	1	200.000	200.000
	Ủy viên + thư ký khoa học	Người	6	200.000	1.200.000
	Thư ký hành chính	Người	1	100.000	100.000
	Khách mời	Người	8	70.000	560.000
14	Viết báo cáo chuyên đề (mỗi tỉnh 02 báo cáo: 1 báo cáo gia cầm và 1 báo cáo heo)	báo cáo	8	300.000	2.400.000
15	Viết báo cáo tổng hợp	bc	1	3.000.000	3.000.000
16	Văn phòng phẩm, điện thoại, fax				7.290.000
17	Chụp ảnh				1.800.000
18	Tiền thuê phòng nghỉ (3 tỉnh x 5 đêm x 5 người)	phòng	75	140.000	10.500.000
19	Tiền lưu trú (4 tỉnh x 6 ngày x 5 người)	ngày	120	120.000	14.400.000
20	Thu thập, xử lý số liệu	Công	40	50.000	2.000.000
	Tổng cộng				152.000.000

Nội dung 2: Kiểm tra giám sát chất lượng thức ăn chăn nuôi

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Đánh giá năng lực quản lý, giám sát chất lượng VSAT thức ăn chăn nuôi của các địa phương và doanh nghiệp				
1.1	<i>Kiểm tra tại các tỉnh phía Bắc: 7 tỉnh</i>				
	- Tiền phòng ngủ: 5 người x 140.000đ/người x 25 đêm	đêm	125	140.000	17.500.000
	- Công tác phí: 5 người x 35 ngày x 70.000đ/ngày	ngày	175	70.000	12.250.000
	- Tiền thuê khoản lấy mẫu	buổi	70	50.000	3.500.000
	- Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đi kiểm tra	ngày	175	50.000	8.750.000
1.2	<i>Kiểm tra tại các tỉnh phía Nam: 8 tỉnh</i>				

HMS

[Signature]

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	- Tiền phòng ngủ: 5 người x 150.000đ/người x 5 đêm x 3 đợt	đêm	75	150.000	11.250.000
	- Công tác phí: 5 người x 6 ngày x 300.000đ/ngày x 3 đợt	ngày	90	70.000	6.300.000
	- Tiền thuê khoán lấy mẫu	buổi	30	50.000	1.500.000
	- Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đi kiểm tra	ngày	90	50.000	4.500.000
2	Chi phí làm ngoài giờ cho các phần viên tham gia chương trình:				
	Mức trung bình: 125000 đ/ngày x 5 người x 10 ngày	ngày	30	125.000	3.750.000
3	Xây dựng đề cương:		1	2.000.000	2.000.000
4	Viết báo cáo tổng hợp:	bcáo	1	3.000.000	3.000.000
5	Phô tô, văn phòng phẩm và chi khác:			1.410.000	1.410.000
6	Hội đồng đánh giá nghiệm thu				
	- Chủ tịch:	người	1	300.000	300.000
	- Thành viên	người	6	200.000	1.200.000
	- Khách mời:	người	5	70.000	350.000
	- Nước uống:	người	12	70.000	840.000
	Tổng cộng				78.400.000

Tổng cộng các nội dung Phần I và Phần II đề nghị được phê duyệt là : 2.450.000.000

(Hai tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn)/.

Handwritten signature